

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 38/2017/HS-ST
Ngày 23-10-2017

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Khanh

Bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ly Ly, Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V B, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 39/TLST-HS ngày 21 tháng 9 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 46/QĐXXST - HS ngày 12 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức T, sinh năm 1990 tại Hải Phòng. Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn ĐN, xã LA, huyện VB, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1962 và bà Lê Thị A, sinh năm 1960. Chưa có vợ con.

Tiền sự: 02

- Ngày 24/7/2006 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V B, thành phố Hải Phòng áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi Cường đoạt tài sản và Trộm cắp tài sản.

- Ngày 27/6/2008 bị Công an huyện phường LH, quận KA, thành phố Hải Phòng xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản.

Tiền án: 06 tiền án, chưa được xóa án tích:

- Tại bản án hình sự số 135/2008/HSST ngày 14/10/2008 của Tòa án nhân dân quận NQ, thành phố Hải Phòng áp dụng khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Trị giá tài sản chiếm đoạt là 900.000 đồng).

- Tại bản án hình sự số 50/2009/HSST ngày 29/5/2009 của Tòa án nhân dân quận NQ, thành phố Hải Phòng áp dụng khoản 1 điều 138, điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự- Tái phạm, xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Trị giá tài sản chiếm đoạt là 800.000 đồng).

- Tại bản án hình sự số 60/2011/HSST ngày 06/10/2011 của Tòa án nhân dân quận KA, thành phố Hải Phòng áp dụng khoản 1 điều 138, điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự- Tái phạm, xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Trị giá tài sản chiếm đoạt là 8.000.000 đồng).

- Tại bản án hình sự số 15/2013/HSST ngày 22/3/2013 của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng áp dụng khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự, xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Trị giá tài sản chiếm đoạt là 300.000 đồng).

- Tại bản án hình sự số 24/2014/HSST ngày 07/3/2014 của Tòa án nhân dân quận NQ, thành phố Hải Phòng áp dụng khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự, xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Trị giá tài sản chiếm đoạt là 1.000.000 đồng).

- Tại bản án hình sự số 14/2016/HSST ngày 31/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng áp dụng khoản 1 điều 138 và điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự- Tái phạm, xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Trị giá tài sản chiếm đoạt là 6.000.000 đồng).

Bị Tạm giữ từ ngày 27/5/2017 đến ngày 05/6/2017 chuyển sang Tạm giam.
Có mặt.

2. Phạm Văn D, sinh năm 1989 tại Hải Phòng. Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Đội 4, thôn A, xã T C, huyện V B, thành phố Hải Phòng. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không;

Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Trung T, sinh năm 1965 và bà Lương Thị V, sinh năm 1967. Có vợ là Hà Thị P, sinh năm 1988 và 01 con sinh năm 2011.

Tiền sự: Ngày 15/11/2005 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V B, thành phố Hải Phòng áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

Tiền án: 02 tiền án

- Tại bản án hình sự số 98/2008/HSST ngày 01/9/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Đ L, tỉnh Lâm Đồng áp dụng khoản 1 điều 138 và điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự- Phạm tội nhiều lần, xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Trị giá tài sản chiếm đoạt là 30.000.000 đồng). Đã được xóa án tích.

- Tại bản án hình sự số 30/2016/HSST ngày 20/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện T T, tỉnh Thái Bình áp dụng khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự, xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Trị giá tài sản chiếm đoạt là 3.125.000 đồng). Chưa được xóa án tích.

Bị Tạm giữ từ ngày 26/5/2017 đến ngày 04/6/2017 chuyển sang Tạm giam. Có mặt.

3. Đinh Ngọc T, sinh năm 1988 tại Hải Phòng. Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Đội 4, thôn Đ A, xã T C, huyện V B, thành phố Hải Phòng. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đinh Ngọc T (đã chết) và bà Phạm Thị H , sinh năm 1954. Có vợ là Đoàn Thị D , sinh năm 1989 và 02 con (Lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015).

Tiền sự: Không

Tiền án: 01 tiền án đã được xóa án tích

Tại bản án hình sự số 98/2008/HSST ngày 01/9/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Đ L, tỉnh Lâm Đồng áp dụng khoản 1 điều 138 và điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự- Phạm tội nhiều lần, xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Trị giá tài sản chiếm đoạt là 30.000.000 đồng).

Bị Tạm giữ từ ngày 26/5/2017 đến ngày 04/6/2017 chuyển sang Tạm giam. Có mặt

Bị hại:

1. Anh Bùi Đức T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn 4, xã V T, huyện V B, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

2. Ông Đoàn Hữu C, sinh năm 1963. Địa chỉ: thôn Đ N, xã L A, huyện V B, thành phố Hải Phòng. Có mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Vũ Ngọc T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Khu T A, thị trấn H N, huyện H H, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

2. Ông Trần Đình T, sinh năm 1962. Địa chỉ: thôn DT, xã TD, huyện V B, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 24 giờ ngày 16/5/2017, Đình Ngọc T đi bộ đến khu vực cầu Bào thuộc thôn 4, xã V T, huyện V B phát hiện thấy trước cửa quán của anh Bùi Đức T, sinh năm 1991 có dựng 01 chiếc xe mô tô Airblade màu đỏ đen mang biển số 15K1- 09510 không khóa cổ, khóa càng và không có người trông coi nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. Thực hiện ý định, T đã lấy chiếc xe rồi dắt bộ đi về nhà Vũ Đức T, sinh năm 1986 ở thôn 7, xã Tam Cường, huyện V B để cất giấu. Khi vào nhà T, thấy T đang ngủ nên T để chiếc xe trong bếp và bảo T cho gửi nhờ mà không nói gì về nguồn gốc của chiếc xe rồi đi về. Đến sáng ngày 17/5/2017, T sang nhà Phạm Văn D nhờ thái thuốc lá, T đã nói cho D biết về việc mình đã trộm cắp được chiếc xe trên và nhờ D bán giúp chiếc xe này, D đồng ý và điện thoại cho Vũ Ngọc T, sinh năm 1980 ở khu T A, thị trấn HN, huyện H H, tỉnh Thái Bình hỏi có mua chiếc xe không? Tân hẹn mấy hôm nữa. Sau đó Tân điện thoại bảo D sang xem xe nên D đi sang nhà Vũ Đức T lấy chiếc xe mang về. Đến chiều ngày 21/5/2017, T đi cùng với một người bạn đến xem và mua xe. Trong quá trình mua, bán xe D chỉ nói là xe của chị gái, bị mất giấy tờ và cần tiền muốn bán. Do tin tưởng D và không biết chiếc xe do trộm cắp được mà có nên Tân đồng ý mua với giá 5.900.000 đồng. Số tiền này, D đưa hết cho Đình Ngọc T sử dụng.

Do nghi ngờ về nguồn gốc của chiếc xe đã mua nên ngày 22/5/2017, Vũ Ngọc T đã đến Công an thị trấn H H, huyện H H, tỉnh Thái Bình trình báo về sự

việc và giao nộp lại chiếc xe. Đến ngày 25/5/2017, Đinh Ngọc T và Phạm Văn D đã tự nguyện đến Công an huyện V B đầu thú khai nhận về hành vi sự việc.

Vụ thứ hai: Khoảng 11 giờ ngày 21/5/2017, Nguyễn Đức T đi bộ một mình đến nhà ông Đoàn Hữu C sinh năm 1963 ở cùng thôn phát hiện thấy không có ai ở nhà nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp. Thực hiện ý định T đi về nhà và điện thoại rủ Phạm Văn D cùng trộm cắp tài sản của nhà ông C, D đồng ý và đi xe mô tô mang biển số 15K1- 19231 chở T đi đến nhà ông C. Khi đến nơi, D đứng đợi ngoài cổng, T trèo tường vào bên trong lấy 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1208, 01 chiếc máy tính xách tay và chiếc ti vi. Sau đó D và T đem những tài sản này về nhà D cất giấu. Đến ngày 24/5/2017, D gặp ông Trần Đình T sinh năm 1962 ở thôn D T, xã T D, huyện V B nên đã bảo ông T có chiếc ti vi của gia đình do cần tiền muốn bán. Vì tin tưởng D và không biết đó là tài sản do D trộm cắp được mà có nên ông T đồng ý mua với giá là 5.800.000 đồng và bảo D chở đến nhà mình. Đến tối cùng ngày, D mang chiếc ti vi đến bán và lắp cho ông T để sử dụng. Số tiền trên D đưa cho T 200.000 đồng, còn lại 5.600.000đ D tiêu sài hết.

Sau khi sự việc xảy ra, do biết được nguồn gốc của chiếc ti vi mà mình đã mua nên ngày 26/5/2017, ông Trần Đình T đã đến Công an huyện V B trình báo toàn bộ sự việc và giao nộp lại chiếc tivi này. Cùng ngày, Nguyễn Đức T đã đến Công an huyện V B đầu thú và khai nhận về toàn bộ nội dung sự việc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 42 ngày 29/5/2017 và số 43 ngày 30/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V B kết luận: Xe mô tô Airblade màu đỏ đen mang biển số 15K1- 09510 trị giá 20.000.000 đồng, chiếc ti vi màn hình phẳng nhãn hiệu LG loại 49 inch trị giá 8.000.000 đồng, chiếc chiếc máy tính xách tay màu đen nhãn hiệu Compac trị giá 2.000.000 đồng và chiếc điện thoại di động Nokia 1208 trị giá 100.000 đồng

Với các tài liệu, chứng cứ thu thập được, ngày 24/5/2017 và ngày 05/6/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V B ra Quyết định khởi tố vụ án điều về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự, xảy ra tại xã V T và xã L A, huyện V B, thành phố Hải Phòng. Ngày 04/6/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V B khởi tố bổ sung tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, quy định tại Điều 250 Bộ luật Hình sự đối với vụ án Trộm cắp tài sản ở xã V T, huyện V B, thành phố Hải Phòng.

Ngày 12/6/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V B ra Quyết định nhập vụ án Trộm cắp tài sản và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có ở xã V T, với vụ án Trộm cắp tài sản ở xã L A, V B và gọi chung là vụ án Trộm cắp tài sản và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Đồng thời khởi tố với Đinh Ngọc T về tội Trộm cắp tài sản theo Điều 138 BLHS, khởi tố Phạm Văn D về tội Trộm cắp tài sản theo Điều 138 BLHS và tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo Điều 250 Bộ luật hình sự; khởi tố Nguyễn Đức T về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự.

Bản Cáo trạng số 38/CT- VKS ngày 20 tháng 9 năm 2017, Viện Kiểm sát nhân dân huyện V B đã truy tố Nguyễn Đức T về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS. Truy tố Phạm Văn D về tội Trộm cắp tài sản và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 138 và khoản 1 Điều 250 BLHS. Truy tố Đinh Ngọc T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 BLHS.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Đinh Ngọc T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình vào ngày 16/5/2017 đã một mình chiếm đoạt chiếc xe máy Airblade màu đỏ đen mang biển số 15K1- 09510 của anh Bùi Đức T ở thôn 4, Vĩnh Tiến. Sau đó T nhờ Phạm Văn D bán chiếc xe trộm cắp này. D đồng ý bán hộ và đã bán chiếc xe T trộm cắp cho anh Vũ Ngọc T ở khu Thị An, thị trấn H N, huyện H H, Thái Bình với số tiền 5.900.000đ. Số tiền này D đã đưa cho Đinh Ngọc T sử dụng. Bị cáo Nguyễn Đức T, Phạm Văn D khai nhận vào ngày 21/5/2017 cùng nhau trộm cắp tài sản của gia đình ông Đoàn Hữu C ở Đông Nha, Liên Am, V B, Hải Phòng gồm 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1208, 01 chiếc máy tính xách tay và 01 chiếc ti vi nhãn hiệu LG loại 49 inch rồi mang toàn bộ số tài sản về nhà D cất giấu. Sau đó D đã bán chiếc ti vi cho ông Trần Đình T với số tiền là 5.800.000đ. Số tiền này D đưa cho T 200.000đ, còn lại 5.600.000đ D tiêu sài cá nhân.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội khẳng định việc truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS, truy tố Phạm Văn D về tội Trộm cắp tài sản và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 138 và khoản 1 Điều 250 BLHS. Truy tố Đinh Ngọc T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 BLHS là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Căn cứ tính chất hành vi

phạm tội, nhân thân và các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138, Điều 53, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20 BLHS tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội Trộm cắp tài sản và xử phạt T từ 30 đến 36 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 200.000đ do thu lợi bất chính của bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, Điều 53, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20 BLHS tuyên bố bị cáo Phạm Văn D phạm tội Trộm cắp tài sản và xử phạt D từ 6 đến 9 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 250, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 BLHS tuyên bố bị cáo Phạm Văn D phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội và xử phạt D từ 9 đến 12 tháng tù. Buộc D phải chấp hành chung hình phạt của hai tội từ 15 đến 18 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 5.600.000đ do thu lợi bất chính của bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS tuyên bố bị cáo Đinh Ngọc T phạm tội Trộm cắp tài sản và xử phạt T từ 09 đến 12 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo. Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 5.900.000đ do thu lợi bất chính của bị cáo.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo trình bày: Đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện V B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Đức T, Đinh Ngọc T, Phạm Văn D là hoàn toàn rõ ràng, phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng thu được, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác, có đủ cơ sở xác định: Đêm ngày 16/5/2017 rạng ngày 17/5/2017, Đinh Ngọc T đã lén lút trộm cắp của anh Bùi Đức T 01 chiếc xe mô tô có trị giá 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) khi anh T để chiếc xe ở trước cửa quán của nhà mình tại thôn 4, xã V T, huyện V B. Bị cáo Phạm Văn D biết rõ chiếc xe máy do Đinh Ngọc T trộm phạm tội mà có nhưng khi được T nhờ bán hộ, D đồng ý và đã liên lạc với anh Vũ Ngọc T bán chiếc xe T trộm cắp cho anh Vũ Ngọc T ở khu TA, thị trấn H N, huyện H H, tỉnh Thái Bình với giá 5.900.000đ. Sau đó, vào trưa ngày 21/5/2017, Phạm Văn D cùng với Nguyễn Đức T đã lén lút trộm cắp của gia đình ông Đoàn Hữu C ở thôn Đ N, xã L A, huyện V B 01 chiếc ti vi màn hình phẳng, 01 chiếc máy tính xách tay và 01 chiếc điện thoại di động có tổng trị giá 10.100.000đ (Mười triệu, một trăm nghìn đồng). Mặc dù tài sản Nguyễn Đức T chiếm đoạt có giá trị là 10.100.000đ, tuy nhiên T có 06 tiền án, đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý. Do đó, đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội trộm cắp tài sản, vi phạm điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS. Bị cáo Đinh Ngọc T phạm tội Trộm cắp tài sản, vi phạm khoản 1 Điều 138 BLHS. Bị cáo Phạm Văn D phạm tội Trộm cắp tài sản và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có vi phạm khoản 1 Điều 138 và khoản 1 Điều 250 BLHS.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an, xã hội. Do đó đối với các bị cáo cần phải áp dụng hình phạt nghiêm mới có tác dụng giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ: Đối với Nguyễn Đức T có 06 tiền án, chưa được xóa án. Bản án hình sự số 135/2008/HSST ngày 14/10/2008 của Tòa án nhân dân quận N Q, thành phố Hải Phòng áp dụng khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Trị giá tài sản chiếm đoạt là 900.000 đồng). Bản án hình sự số 50/2009/HSST ngày 29/5/2009 của Tòa án nhân dân quận N Q, thành phố Hải Phòng áp dụng khoản 1

điều 138, điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự- Tái phạm, xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Trị giá tài sản chiếm đoạt là 800.000 đồng). Bản án hình sự số 60/2011/HSST ngày 06/10/2011 của Tòa án nhân dân quận K A, thành phố Hải Phòng áp dụng khoản 1 điều 138, điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự- Tái phạm, xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Trị giá tài sản chiếm đoạt là 8.000.000 đồng). Bản án hình sự số 15/2013/HSST ngày 22/3/2013 của Tòa án nhân dân huyện V B, thành phố Hải Phòng áp dụng khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự, xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Trị giá tài sản chiếm đoạt là 300.000 đồng). Bản án hình sự số 24/2014/HSST ngày 07/3/2014 của Tòa án nhân dân quận NQ, thành phố Hải Phòng áp dụng khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự, xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Trị giá tài sản chiếm đoạt là 1.000.000 đồng). Bản án hình sự số 14/2016/HSST ngày 31/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng áp dụng khoản 1 điều 138 và điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự- Tái phạm, xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Trị giá tài sản chiếm đoạt là 6.000.000 đồng). Các tiền án này đã được tính là yếu tố định khung hình phạt nên không tính là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nữa. Bị cáo Phạm Văn D có hai tiền án: Tại bản án hình sự số 98/2008/HSST ngày 01/9/2008 Tòa án nhân dân thành phố Đ L, tỉnh Lâm Đồng đã xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Đã được xóa án tích). Tiền án số 30/2016 ngày 20/5/2016 Tòa án nhân dân huyện T T, Thái Bình xử phạt D 12 tháng tù về tội chiếm đoạt tài sản. D chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/01/2017, bị cáo chưa được xóa án tích. Do đó lần phạm tội này, bị cáo D phải chịu tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS. Bị cáo Đinh Ngọc T có 01 tiền án tại bản án số 98/2008/HSST ngày 01/9/2008 Tòa án nhân dân thành phố Đ L, Lâm Đồng xử phạt T 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tiền án này đến nay bị cáo đã được xóa án, tuy nhiên cũng cần thấy rằng bị cáo T là người có nhân thân xấu. Các bị cáo Nguyễn Đức T, Đinh Ngọc T, Phạm Văn D đều là những người đã từng bị xét xử về hành vi chiếm đoạt song không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục phạm tội. Vì vậy, lần phạm tội này cần xử phạt cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời hạn nhất định để giáo dục các bị cáo trở V B người có ích cho xã hội đồng thời có tác dụng trong việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên cũng cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo bởi tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội các bị cáo ra đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự các bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS.

Xét về vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Do không có sự cấu kết chặt chẽ giữa các đồng phạm nên đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Đối vụ án xảy ra ngày 16/5/2007 bị cáo Đoàn Ngọc T là người giữ vai trò chính, hành vi phạm tội của bị cáo là điều kiện để bị cáo Phạm Văn D thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, trong vụ án này T phải chịu trách nhiệm chính, sau đến D. Đối với vụ án xảy ra ngày 21/5/2017 bị cáo Nguyễn Đức T là người giữ vai trò chính trong việc chiếm đoạt tài sản của ông Đoàn Văn C. T là người rủ Phạm Văn D thực hiện hành vi, là người trực tiếp tài sản, tuy nhiên D là người thực hiện hành vi một cách tích cực, là người chủ động dùng phương tiện của mình để thực hiện hành vi, sau đó mang tài sản đã chiếm đoạt đi tiêu thụ và sử dụng toàn bộ số tiền bán tài sản đã chiếm đoạt để tiêu sài. Do đó, D cần áp dụng hình phạt thấp hơn T nhưng phải nặng hơn T mới phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 BLHS quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng. Khoản 5 Điều 250 BLHS quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản hoặc một trong hai hình phạt này. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo đều không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

Về thiệt hại dân sự: Ông Đoàn Hữu C và anh Bùi Đức T đã nhận được tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt. Ông C và anh T không yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Đối với hành vi mua chiếc xe máy mang biển số 15K1- 09510 của anh Vũ Ngọc T và hành vi cho Đinh Ngọc T gửi chiếc xe máy ở nhà mình của anh Vũ Đức T: Do khi mua chiếc xe, anh T chỉ biết là của chị gái D bị mất giấy tờ và cần tiền muốn bán mà không biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Do tin tưởng Phạm Văn D nên anh T đã đồng ý mua với giá 5.900.000đ. Sau đó, do nghi ngờ về nguồn gốc của chiếc xe nên anh T đã tự nguyện đến cơ quan có thẩm quyền trình báo và giao nộp lại. Còn Vũ Đức T, khi cho Đinh Ngọc T gửi chiếc xe máy ở nhà mình, T không biết đó là tài sản do trộm cắp được mà có. Đến khi Phạm Văn D lấy chiếc xe

mang bán, T cũng chỉ biết là do T nhờ D đến lấy giúp mà không biết D mang đi tiêu thụ. Do đó Cơ quan điều tra không khởi tố đối với Vũ Ngọc T và Vũ Đức T.

Đối với hành vi mua chiếc ti vi của ông Trần Đình T, do ông T tự tin tưởng D nên đã đồng ý mua với giá 5.800.000đ. Sau khi biết được là tài sản do phạm tội mà có, ông Trần Đình T đã đến cơ quan thẩm quyền trình báo và giao nộp nên Cơ quan điều tra không khởi tố đối với ông Trần Đình T là phù hợp.

Về số tiền 5.900.000 đồng và 5.800.000 đồng mà D có được do bán chiếc xe máy và chiếc ti vi cho anh Vũ Ngọc T và ông Trần Đình T, Số tiền trên, T sử dụng 5.900.000đ, D sử dụng 5.600.000đ, T sử dụng 200.000đ để tiêu sài cá nhân, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được số tiền này. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa ông Trần Đình T và anh Vũ Ngọc T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền này. Xét thấy, đây là số tiền do các bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V B đã thu giữ 01 chiếc xe mô tô mang biển số 15K1- 09510, 01 chiếc ti vi màn hình phẳng nhãn hiệu LG loại 49 inch, 01 chiếc máy tính xách tay màu đen nhãn hiệu Compac và 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1208. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh Bùi Đức V B và trả lại chiếc ti vi, chiếc máy tính xách tay cùng chiếc điện thoại di động trên cho gia đình ông Đoàn Hữu C quản lý sử dụng nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Về chiếc xe mô tô mang biển số 15K1- 19231 mà D đã sử dụng: Qua xác minh cho thấy chiếc xe này là của D đã mua trước đó của một người không quen biết ở nội thành Hải Phòng có đầy đủ giấy tờ để sử dụng. Sau khi sự việc xảy ra, đến ngày 23/5/2017 D đã bán chiếc xe này cho một người không quen biết. Do đó Cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc xe này.

Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Đức T, Phạm Văn D, Đinh Ngọc T phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức T, Đinh Ngọc T phạm tội Trộm cắp tài sản. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn D phạm tội Trộm cắp tài sản và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

2. Về hình phạt:

2.1 Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138, Điều 53, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 27/5/2017.

2.2 Áp dụng khoản 1 Điều 138, Điều 53 điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn D 06 (Sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 250 BLHS, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS xử phạt bị cáo Phạm Văn D 09 (Chín) tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Áp dụng Điều 50 BLHS buộc bị cáo Phạm Văn D phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 26/5/2017.

2.3 Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đinh Ngọc T 09 (Chín) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 26/5/2017.

3. Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Xử tịch thu của Nguyễn Đức T 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), thu của Đinh Ngọc T 5.900.000đ (Năm triệu, chín trăm nghìn đồng), thu của Phạm Văn D 5.600.000đ (Năm triệu, sáu trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước .

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng điều 99 Bộ luật tố tụng Hình sự, Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Nguyễn Đức T, Phạm Văn D, Đinh Ngọc T mỗi người phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo lên toà án cấp trên để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện V B
- TP Hải Phòng;
- Chi Cục THADS huyện V B;
- Trại tạm giam;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền